

Số: 06 /BC-BCĐ

Bắc Ái, ngày 15 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong Tháng hành động vì ATTP năm 2024

Thực hiện kế hoạch số 1566/KH-BCĐ ngày 10/04/2024 của Ban chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh về triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong Tháng hành động vì ATTP năm 2024, căn cứ chức năng, nhiệm vụ Ban chỉ đạo liên ngành An toàn thực phẩm huyện báo cáo nội dung như sau:

I. Công tác chỉ đạo

Ban hành kế hoạch số 05/KH-BCĐ ngày 15/04/2024 triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm Tháng hành động vì ATTP năm 2024; Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 17/04/2024 thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP trong Tháng hành động vì ATTP năm 2024; đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch và tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP để kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

II. Các hoạt động đã triển khai

1. Công tác rà soát, thống kê cơ sở thực phẩm

Stt	Các loại hình cơ sở thực phẩm	Công tác cấp đủ điều kiện ATTP				Loại hình	
		Tổng số cơ sở quản lý	Số cơ sở đã cấp (đủ điều kiện hoặc cam kết)	Tích lũy	Tỷ lệ %	Sản xuất	Kinh doanh
I. Các loại hình sản phẩm thuộc ngành Y tế quản lý							
1	Sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai, nước đá dùng liền, chất phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm,...	03		03	100	03	
2	Kinh doanh dịch vụ ăn uống cố định	05		05	100		05
3	Dịch vụ cung ứng suất ăn lưu động						
4	Bếp ăn tập thể	21		21	100		
5	Thức ăn đường phố	85		85	100		85
6	Các loại hình phát sinh khác...(ghi rõ)						
II. Các loại hình sản phẩm thuộc ngành Nông nghiệp quản lý							
1	Tàu cá 90 CV						

2	Thịt và các sản phẩm từ thịt					
3	Thủy sản và các sản phẩm thủy sản					
4	Kho lạnh độc lập					
5	Cảng cá					
6	Sản phẩm nông sản					
7	Chế biến Yến					
8	Muối ăn I- ốt					
9	Nước đá bảo quản thủy sản					
10	Chuyên doanh					
11	Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc đối tượng cam kết do xã, phường quản lý	467		467	100	
III. Các loại hình sản phẩm thuộc ngành Công Thương quản lý						
1	Rượu, bia, nước giải khát (sản xuất rượu thủ công)	4			4	
2	Sữa chế biến					
3	Dầu thực vật					
4	Sản phẩm chế biến bột, tinh bột (sản xuất bánh mì nhỏ lẻ)	3			3	
5	Bánh, mứt, kẹo					
6	Kinh doanh tổng hợp (KD tạp hóa tổng hợp)	412				412
Tổng cộng		419			7	412

2. Các hoạt động truyền thông

TT	Tên hoạt động	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh	
		Số xã thực hiện/ Tổng số xã	Số lượng	Số huyện thực hiện/ Tổng số huyện	Số lượng	Số lượng	Ghi chú
1	Nói chuyện/Hội thảo (buổi/tổng số người tham dự)	9/9	229 người	1	48 người		
2	Tập huấn (lớp/tổng số người tham dự)						
3	Phát thanh loa, đài (tin/bài/phóng sự)	9/9	180 lượt		20 lượt		
4	Truyền hình (buổi/tọa đàm/phóng sự)						
5	Báo viết (tin/bài/phóng sự)						
6	Băng rôn, khẩu hiệu	9/9	18 cái	1	2 cái		
7	Tranh áp – phích/Posters						

8	Tờ gấp, tờ rơi						
9	Hoạt động khác (<i>ghi rõ</i>)						

3. Hoạt động kiểm tra, thanh tra

a. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra:

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra

Trong đó:

- Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện: 01
- Số đoàn kiểm tra tuyến xã: 09.

b. Kết quả thanh tra, kiểm tra

Bảng 01: Kết quả thanh tra, kiểm tra tuyến huyện

T T	Loại hình cơ sở	Ngành Y tế				Ngành Nông nghiệp				Ngành Công Thương				Tổng			
		Tổng số cơ sở quản lý	Số cơ sở được kiểm tra/Số cơ sở quản lý	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ đạt (%)	Tổng số cơ sở quản lý	Số cơ sở được kiểm tra/Số cơ sở quản lý	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ đạt (%)	Tổng số cơ sở quản lý	Số cơ sở được kiểm tra/Số cơ sở quản lý	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ đạt (%)	Tổng số cơ sở quản lý	Số cơ sở được kiểm tra/Số cơ sở quản lý	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ đạt (%)
1	Sản xuất, chế biến	03	00	00	/	/	0	/	/	07	01	01	100	10	01	01	100
2	Kinh doanh Tạp hóa tổng hợp	/	/	/	/	/	0	/	/	412	06	05	83,3	412	06	05	83,3
3	Dịch vụ ăn uống	05	03	03	100	/	0	/	/	/	/	/	/	05	03	03	100
4	Thức ăn đường phố	85	19	17	89,4	467	0	/	/	/	/	/	/	552	19	17	89,4
Tổng cộng		93	22	20	90,9	467	0	/	/	419	7	6	85,7	979	29	26	89,6

Bảng 02: Kết quả kiểm tra tuyến xã

T	Loại hình cơ sở	Ngành Y tế			Ngành Nông nghiệp			Ngành Công Thương			Tổng					
		Tổng số cơ sở quản lý	Số cơ sở được kiểm tra/ Số cơ sở quản lý	Tỷ lệ đạt (%)	Tổng số cơ sở quản lý	Số cơ sở được kiểm tra/ Số cơ sở quản lý	Tỷ lệ đạt (%)	Tổng số cơ sở quản lý	Số cơ sở được kiểm tra/ Số cơ sở quản lý	Tỷ lệ đạt (%)	Tổng số cơ sở quản lý	Số cơ sở được kiểm tra/ Số cơ sở quản lý	Tỷ lệ đạt (%)			
1	Sản xuất, chế biến	/	/	/	/	/	/	07	05	100	07	05	100	05	05	100
2	Kinh doanh Tập hóa tổng hợp	/	/	/	467	9	100	412	140	98,5	879	149	147	147	147	98,6
3	Dịch vụ ăn uống	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
4	Các loại hình do xã, phường quản lý (thức ăn đường phố)	85	48	91,6	/	/	/	/	/	/	85	48	44	44	44	91,6
Tổng cộng		85	48	91,6	467	9	100	419	145	98,6	971	202	196	196	196	97

	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
*	Các xử lý khác	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	/	02	04	/	00	00	/	01	02	09

Bảng 4. Nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Loại hình cơ sở	Tuyên tỉnh		Tuyên huyện		Tuyên xã	
		Số cơ sở được kiểm tra	Số cơ vi phạm	Số cơ sở được kiểm tra	Số cơ vi phạm	Số cơ sở được kiểm tra	Số cơ vi phạm
1	Quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật	/	/	0	0	0	0
2	Quy định về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi	/	/	/	/	/	/
3	Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ	/	/	29	06	202	03
4	Điều kiện về con người	/	/	29	06	202	03
5	Công bố sản phẩm	/	/	/	/	/	/
5	Ghi nhãn thực phẩm	/	/	/	/	/	/
6	Quảng cáo thực phẩm	/	/	/	/	/	/
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	/	/	/	/	/	/

8	Vi phạm khác (sản phẩm hết hạn sử dụng)	/	/	/	/	/	/
---	---	---	---	---	---	---	---

Ghi chú: Các nội dung vi phạm chủ yếu như vệ sinh cơ sở, trang thiết bị dụng cụ chưa sạch; giấy khám sức khỏe, giấy ký cam kết đảm bảo ATTP đã hết hạn.

Bảng 05. Kết quả kiểm nghiệm mẫu

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm (XN) mẫu								
		Tuyến tỉnh			Tuyến huyện			Tuyến xã		
		Tổng số mẫu XN	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt	Tổng số mẫu XN	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt	Tổng số mẫu XN	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
I	Xét nghiệm tại Labo	/	/	/	0	0	/	0	/	/
1	Xét nghiệm về Hóa lý	/	/	/	0	0	/	0	/	/
2	Xét nghiệm về Vi sinh	/	/	/	0	0	/	0	/	/
Tổng số XN tại labo		/	/	/	/	0	/	/	/	/
II	Xét nghiệm nhanh	/	/	/	09	0	0	0	0	0
Cộng (I+II)		/	/	/	09	0	0	0	0	0

* **Ghi chú:** Test nhanh độ ôi khét dầu ăn 01 test, Methanol rượu trắng thủ công 02 test, phẩm màu 06 test.

4. Tình hình ngộ độc thực phẩm

TT	Chỉ số	Năm 2024 (Từ ngày 01/01/2024 – 16/5/2024)	Số cùng kỳ năm 2023	So sánh
1.	Sô vụ (vụ)	0	0	0
2.	Số mắc (ca)	0	0	0
3.	Số chết (người)	0	0	0
4.	Số đi viện (ca)	0	0	0
5.	Nguyên nhân (cụ thể)	0	0	0

III.Đánh giá chung:

- Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, UBND huyện, các phòng, ban, ngành, địa phương đã tích cực phối hợp triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý trên địa bàn, công tác đảm bảo ATTP đã có nhiều biến tích cực. Từ đầu năm đến nay trên địa bàn huyện chưa xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

Bên cạnh những mặt đạt được vẫn còn tồn tại một số khó khăn vướng mắc nhân như lực tham gia quản ATTP từ tuyến huyện đến tuyến xã chủ yếu là kiêm nhiệm, đặc biệt là tuyến xã, cán bộ văn hóa xã đảm nhiệm công tác ATTP nên thời gian dành cho các hoạt động đảm bảo ATTP chưa nhiều. Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm đa phần là nhỏ lẻ, nằm rải rác. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2024 trên địa bàn huyện Bắc Ái./.

Nơi nhận:

- BCD Liên ngành ATTP tỉnh;
- Sở Y tế;
- CC ATVSTT tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện (đ/c Hà);
- Công an huyện;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Phòng NN & PTNT;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.TT

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THỨ NHẤT



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Cần Thị Hà